TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-ĐẮKLẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST
Ngày 31/3/2026
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Thu Ba.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Hoài Đông – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 298/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn 1 E, xã EK, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn**: Bà Dương Thị D, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn 1 E, xã EK, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI D VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 17/10/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Trọng B trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (B) và bà Dương Thị D sau một thời gian tìm hiểu thì có nguyện vọng chung sống, kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã DK, tỉnh Đắk Lắk) được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/11/2005, trên cơ sở tự nguyện.

Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không có sự tin tưởng và thông cảm cho nhau, bà D không quan tâm và chăm sóc cho gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tôn trọng nhau, không tìm được tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã động viên hòa giải nhưng mâu thuẫn đã trầm trọng nên đến tháng 9/2022 thì chúng tôi ly thân cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên tôi yêu cầu xin ly hôn với bà Dương Thị D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 02 con chung là Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 20/9/2005 và Nguyễn Thị Diệu H2, sinh ngày 08/9/2007. Các con chung đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Các thủ tục tố tụng được giao hợp lệ cho bị đơn bà Dương Thị D nhưng đương sự đều cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thực hiện đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX và thư ký phiên tòa đúng quy định; Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội D: Áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho ông Nguyễn Trọng B được ly hôn với bà Dương Thị D; Về con chung: 02 con chung là Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 20/9/2005 và Nguyễn Thị Diệu H2, sinh ngày 08/9/2007 đã trưởng thành nên không đề cập để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thảo luận đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* ông Nguyễn Trọng B khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Dương Thị D. Đây là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Toà án quyết

định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn bà Dương Thị D được Toà án triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ đến lần 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Như vậy, đương sự đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh trước toà. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Dương Thị D là có căn cứ phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: ông Nguyễn Trọng B và bà Dương Thị D tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã DK, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 18/11/2005 (được cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu hồ sơ vụ án) nên hôn nhân giữa ông B và bà D là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh chính tại quyền địa phương nơi đương sự cư trú phù hợp với lời khai của nguyên đơn trong quá trình thu thập chứng cứ xác định: ông Nguyễn Trọng B và bà Dương Thị D chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông B xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng B là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Xét lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định: Trong quá trình chung sống ông Nguyễn Trọng B và bà Dương Thị D có 02 con chung: Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 20/9/2005 và Nguyễn Thị Diệu H2, sinh ngày 08/9/2007. Các con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng B phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị Thanh T nộp thay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005219 ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân:* Tuyên xử ông Nguyễn Trọng B được ly hôn với bà Dương Thị D.

2. *Về con chung:* các con chung Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 20/9/2005 và Nguyễn Thị Diệu H2, sinh ngày 08/9/2007 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng B phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị Thanh T nộp thay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005219 ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thu Ba

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
-Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã DK;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.